HLTV, THTV, BÀI 10, V9

**THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

*(Sự phát triển của ngôn ngữ: Từ ngữ mới và nghĩa mới)*

(Thời gian thực hiện: 01 tiết)

**I-/ MỤC TIÊU**

**1-/ Về năng lực:** Sự phát triển của ngôn ngữ: Từ ngữ mới và nghĩa mới.

Thể hiện trong hoạt động làm bài tập nhóm đôi ở hoạt động *Thực hành tiếng Việt*.

Nhận biết và phân tích được sự phát triển của ngôn ngữ: Từ ngữ mới và nghĩa mới.

**2-/ Phẩm chất:** Ý thức giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt

**II-/ THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Sách giáo khoa, Sách giáo viên. - Máy chiếu, máy tính.

- Giấy A0 hoặc bảng phụ. - Phiếu học tập.

**III-/ TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Hoạt động 1: Khởi động**

**\* Bước 1:** GV chuyển giao nhiệm vụ: Em thấy có những từ ngữ nào mới xuất hiện trong thời gian gần đây? Bạn có dùng những từ ngữ ấy không và dùng trong trường hợp nào?

**\* Bước 2:** HS thực hiện nhiệm vụ: Cá nhân HS suy nghĩ trả lời

**\* Bước 3:** Báo cáo, thảo luận: HStrả lời. Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

**\* Bước 4:** Kết luận, nhận định: - GV nhận xét, khen ngợi HS.

- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

|  |  |
| --- | --- |
| **\*Hoạt động 2.1: Tìm hiểu tri thức tiếng việt**  **Nội dung:** Vẽ sơ đồ tóm tắt cách thức phát triển của ngôn ngữ ở phương diện từ vựng. | |
| **Hoạt động của GV&HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| ***\*B1: Chuyển giao nhiệm vụ:***  GV giao nhiệm vụ như mục nội dung.  ***\*B2: Thực hiện nhiệm vụ:***  Cá nhân HS đọc SGK và ghi ra câu trả lời.  ***\*B3: Báo cáo, thảo luận:***  - Trình bày cá nhân.  - Các HS khác theo dõi, nhận xét, bổ sung (nếu có  ***\*B4: Kết luận, nhận định:***  - Nhận xét câu trả lời của HS, bổ sung thêm thông tin (nếu cần) | **II. Tri thức tiếng Việt:**  1/ Sự phát triển của ngôn ngữ:  - Luôn biế đổi không ngừng, đặc biệt là ở phương diện từ vựng.  - Diễn ra theo 2 cách  + Xuất hiện từ ngữ mới  + Xuất hiện nghĩa mới  2/ Những nghĩa mới:  - Được tạo ra nhờ các phương thức chuyển nghĩa: ẩn dụ, hoán dụ… |

**3. Hoạt động 3: Luyện tập**

|  |  |
| --- | --- |
| **Nội dung:**  (1) HS làm việc theo nhóm đôi để thực hiện các bài tập 1, 2, 3 (trong SGK).  (2) HS làm việc cá nhân để thực hiện các bài tập 4, 5 (trong SGK). | |
| **Hoạt động của GV&HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| ***\*B1: Chuyển giao nhiệm vụ:***  mục nội dung (1)  ***\*B2: Thực hiện nhiệm vụ:***  Cá nhân HS làm bài tập 1  ***\*B3: Báo cáo, thảo luận:***  Đại diện 1 – 2 HS trình bày, các HS khác nhận xét, bổ sung, trao đổi.  ***\*B4: Kết luận, nhận định:***  GV nhận xét cách HS thảo luận nhóm, từ đó kết luận về những lưu ý khi giao tiếp và hợp tác trong khi thảo luận nhóm. | **II.Luyện tập**  **1/ Bài tập 1:** Các từ ngữ được cấu tạo theo mô hình X + thông minh: điện thoại thông minh, lớp học thông minh, giàn phơi thông minh,… |
| ***\*B1: Chuyển giao nhiệm vụ:***  mục nội dung (1)  ***\*B2: Thực hiện nhiệm vụ:***  Cá nhân HS làm bài tập 2  ***\*B3: Báo cáo, thảo luận:***  Đại diện 1 – 2 HS trình bày, các HS khác nhận xét, bổ sung, trao đổi.  ***\*B4: Kết luận, nhận định:***  GV nhận xét cách HS thảo luận nhóm, từ đó kết luận về những lưu ý khi giao tiếp và hợp tác trong khi thảo luận nhóm. | **2/Bài tập 2**: Mô hình cấu tạo các từ ngữ mới tương tự mô hình *X* *+ thông minh*:  - *X + nhân tạo*: *trí tuệ nhân tạo, mặt trời nhân tạo, đám mây nhân tạo,…*  *- X + ảo*: *lớp học ảo, không gian ảo, tiền ảo,…* |
| ***\*B1: Chuyển giao nhiệm vụ:***  mục nội dung (1)  ***\*B2: Thực hiện nhiệm vụ:***  Nhóm 2 HS lần lượt thảo luận các bài tập 1  ***\*B3: Báo cáo, thảo luận:***  Đại diện một số nhóm lần lượt trình bày kết quả của từng bài tập, nhóm khác góp ý, bổ sung.  ***\*B4: Kết luận, nhận định:***  GV nhận xét cách HS thảo luận nhóm, từ đó kết luận về những lưu ý khi giao tiếp và hợp tác trong khi thảo luận nhóm. | **3/ Bài tập 3:** Nghĩa của các từ ngữ được in đậm:  *-*  a1: ***cóc*** (*Con* ***cóc*** *là cậu ông trời*): động vật thuộc loài ếch, mõm ngắn, da xù xì, thường ở cạn, di chuyển bằng cách nhảy.  *-* a2: ***cóc*** (*Chúng tôi thích la cà ở những quán* ***cóc*** *bên hè phố.*): (khẩu ngữ) nhỏ và không cố định ở một chỗ, có thể thay đổi địa điểm nhanh (ví như lối nhảy của con cóc).  *-* b1: ***chữa cháy*** (*Nó trót làm sai nên bây giờ phải tìm cách* ***chữa cháy****.*): giải quyết việc cấp bách, cốt để tạm thời đối phó, chưa giải quyết vấn đề một cách căn bản.  *-* b2: ***chữa cháy*** (*Lúc xảy ra hoả hoạn, đội cứu hoả đã đến kịp thời để* ***chữa cháy***.): dập tắt lửa của đám cháy để ngăn hoả hoạn.   Trường hợp a2 và b1 là các trường hợp từ ngữ được dùng theo nghĩa mới. |
| ***\*B1: Chuyển giao nhiệm vụ:***  mục nội dung (2)  ***\*B2: Thực hiện nhiệm vụ:***  Nhóm 2 HS lần lượt thảo luận các bài tập 1  ***\*B3: Báo cáo, thảo luận:***  Đại diện một số nhóm lần lượt trình bày kết quả của từng bài tập, nhóm khác góp ý, bổ sung.  ***\*B4: Kết luận, nhận định:***  GV nhận xét cách HS thảo luận nhóm, từ đó kết luận về những lưu ý khi giao tiếp và hợp tác trong khi thảo luận nhóm. | **4/ Bài tập 4:** Sự độc đáo trong cách kết hợp từ ở các trường hợp đã cho:  a. ***Uống ánh trăng tan:*** *ánh trăng* được miêu tả như một loại chất lỏng, có thể *uống* được. Cách kết hợp từ ngữ ở đây vô cùng độc đáo, gây ấn tượng mạnh cho người đọc.  b. ***Sóng cỏ xanh tươi gợn tới trời:*** *sóng* vốn được dùng để chỉ hiện tượng mặt nước dao động, dâng lên, hạ xuống trông như đang di chuyển, chủ yếu do gió gây nên (*sóng biển, mặt hồ gợn sóng,...*). Tuy nhiên, trong trường hợp này, *sóng* được dùng với nghĩa “hiện tượng cả một khối lớn vận động, di chuyển trên một phạm vi rộng theo kiểu làn sóng” (*sóng cỏ*). Phạm vi chuyển động của làn sóng cỏ xanh tươi được mở rộng đến mức tối đa (*gợn tới trời*), vì thế câu thơ gợi nhiều cảm xúc cho người đọc, giúp người đọc hình dung rõ hơn về sự sinh động của khung cảnh.  c. ***Mùa xuân chín:*** *chín* vốn được dùng để miêu tả quả, hạt,… ở giai đoạn phát triển đầy đủ nhất, thường có màu đỏ hoặc vàng, có hương thơm, vị ngon (*vườn cam chín, lúa chín*,…). Tuy nhiên, trong trường hợp này, *chín* lại dùng để miêu tả mùa xuân. Cách kết hợp từ ngữ đặc biệt này tạo ra liên tưởng thú vị cho người đọc.  d. ***Sông Đáy chảy vào đời tôi:*** *đời tôi* không phải là một vùng không gian, vật chứa,… vì vậy, cách kết hợp *chảy vào* và *đời tôi* rất độc đáo, gợi liên tưởng mới mẻ cho độc giả. |

**4. Hoạt động 4: Vận dụng (làm ở nhà)**

**Nội dung:**

- Bài học này đem đến cho em những lưu ý gì trong quá trình sử dụng ngôn ngữ hằng ngày như đọc, viết, nói và nghe?

- Việc tìm hiểu sự phát triển của ngôn ngữ ở phương diện từ vựng giúp em hiểu thêm điều gì về ngôn ngữ trong dòng chảy cuộc sống hôm nay?

***\*B1: Chuyển giao nhiệm vụ:*** GV giao nhiệm vụ như mục nội dung.

***\*B2: Thực hiện nhiệm vụ***: Cá nhân HS thực hiện.

***\*B3: Báo cáo, thảo luận:***

HS trình bày

***\* B 4: Kết luận, nhận định***

GV nhận xét ý kiến của HS, kết luận những kiến thức trọng tâm của bài học.